

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngày 02/8/2021

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN DŨNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Tân Thịnh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hải Lý và ông Lương Ngọc Biên.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Linh Chi - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Dũng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Dũng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2021/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguy Văn H, sinh năm 1975; (vắng mặt)

- Bị đơn: Chi Đỗ Thị N, sinh năm 1974; (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Toà án nguyên đơn anh *Nguyễn Văn H trình bày*: Anh và chị *Đỗ Thị N* kết hôn ngày 24/10/1995. Trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là thị trấn T), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị N về chung sống cùng anh ngay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận và có hai con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống cũng như trong làm ăn kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ cuối năm 2019 chị N đã bỏ nhà đi không còn chung sống cùng anh nữa. Suốt thời gian anh chị sống ly thân hai bên không có liên lạc gì với nhau, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, anh xin được ly hôn với chị Đỗ Thị N.

Về con chung: Vợ chồng có 2 con chung là Nguyễn Văn A, sinh ngày 25/01/1997 hiện đã trưởng thành và cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 27/12/2006 hiện đang ở cùng anh. Nay ly hôn, anh đề nghị giao cho chị Đỗ Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn B.

Cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp: Anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh H không có yêu cầu đề nghị nào khác.

Tại bản tự khai ngày 07/5/2021 bị đơn chị Đỗ Thị N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn ngày 24/10/1995. Trước khi kết hôn có được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là thị trấn T), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh H ngay. Quá trình chung sống anh chị hòa thuận hạnh phúc được 12 năm và có hai con chung, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị phát hiện ra và đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh H không thay đổi. Anh H còn hay uống rượu, say xỉn về đánh đập, hành hạ, chửi bới chị trong một thời gian dài nên chị đã phải bỏ nhà đi từ cuối năm 2019 đến nay không chung sống cùng anh H nữa.

Về con chung: Chị N xác nhận vợ chồng có 02 con chung như anh H trình bày, nay ly hôn chị đề nghị giao con chung Nguyễn Văn B, sinh ngày 27/12/2006 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tiền cấp dưỡng: chị không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng đất nông nghiệp: Anh chị tự thỏa thuận, chị không đề nghị Tòa án giải quyết trong vụ án này.

Hiện chị đang sinh sống và làm ăn trong thành phố Vũng Tàu, Do dịch bệnh covid chị không thể về Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang để giải quyết việc ly hôn với anh H được, chị đồng ý lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Yên Dũng là nơi giải quyết vụ án ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn H và chị đồng ý ly hôn với anh Hoà. Chị đề nghị Tòa án cho chị được vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án.

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H và chị Đỗ Thị N vắng mặt.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Dũng tham gia phiên tòa nhận xét:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Khoản 8 điều 28, 35, 96, 97, 98, 99, khoản 6 điều 48 và khoản 4 điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án: Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, khách quan, đảm bảo trình tự tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa HĐXX, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo nguyên tắc xét xử công khai, trực tiếp bằng lời nói theo điều 51 và Điều 225 và điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Đỗ Thị N

Về con chung: Giao cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 27/12/2006.

Cấp dưỡng nuôi con: không giải quyết.

Ngoài ra, còn đề nghị xử lý về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án chị Đỗ Thị N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến làm việc thông qua anh Đỗ Văn Hiếu, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang là em ruột của chị N, chị N đã xác nhận các văn bản tố tụng và viết bản tự khai và trình bày lời khai với Tòa án. Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử đối với chị N thông qua anh B. Quá trình giải quyết vụ án, chị N có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa anh H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử theo trình tự thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn H và chị Đỗ Thị N kết hôn năm 1995, trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo mọi điều kiện kết hôn theo luật định và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là thị trấn T), huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân ly hôn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến xảy ra mâu thuẫn thậm trí xảy ra xô sát. Gia đình hai bên đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng quan hệ vợ chồng của anh chị không được cải thiện. Cuối năm 2019 do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị N đã bỏ nhà đi vào miền Nam làm ăn từ đó đến nay không quay về chung sống cùng anh H và không hàn

gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh H và chị N đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn.

Tòa án đã tiến hành xác minh UBND thị trấn T, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang cho thấy chị N hiện vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố L, thị trấn T. Từ cuối năm 2019 đến nay không chuyển, tách hoặc báo tạm vắng, tạm trú ở nơi khác.

Hội đồng xét xử xét thấy: Thực tế vợ chồng anh H, chị N xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và ly thân nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay không còn quan tâm, chăm sóc và không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì cuộc sống vợ chồng cũng không thể có hạnh phúc. Xét yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Văn H là hoàn toàn phù hợp với thực tế cuộc sống chung của vợ chồng, phù hợp với các quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh H, chị N có 2 con là Nguyễn Văn A, sinh ngày 25/01/1997 hiện đã trưởng thành và Nguyễn Văn B, sinh ngày 27/12/2006. Nay ly hôn chị N đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Văn B, anh H đồng ý, cháu B có nguyện vọng được ở với mẹ. Hội đồng xét xử nhận thấy nguyện vọng của anh H và chị N là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu B nên cần giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Văn B là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các bên đương sự không có yêu cầu do vậy không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất nông nghiệp: Các bên không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 51, Điều 56 và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 28, 147, 227, 228, 238, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn chị Đỗ Thị N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn B, sinh ngày 27/12/2006 cho chị Đỗ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

- Cấp dưỡng nuôi con: Không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản, vay nợ, ruộng đất nông nghiệp: Không giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: AA/2019/0000085 ngày 12/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Dũng. Xác nhận anh H đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Yên Dũng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Yên Dũng;
- UBND thị trấn T;
- Lưu HS, Vp.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Tân Thịnh